

BỘ CÔNG AN-BỘ QUỐC
PHÒNG
Số: 03/2016/TTLT-BCA-
BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài và kiểm tra, kiểm soát, giám sát phương tiện vận tải hàng hóa nước ngoài vào, ra khu kinh tế cửa khẩu và cảng biển thuộc khu kinh tế

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng,

Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài và kiểm tra, kiểm soát, giám sát phương tiện vận tải hàng hóa nước ngoài vào, ra khu kinh tế cửa khẩu và cảng biển thuộc khu kinh tế như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc kiểm tra, kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quản lý cư trú của người nước ngoài, cấp thị thực, cấp giấy phép tham quan cho người nước

ngoài tại khu kinh tế cửa khẩu; kiểm tra, kiểm soát, giám sát phương tiện vận tải hàng hóa nước ngoài vào, ra khu kinh tế cửa khẩu và cảng biển thuộc khu kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại khu kinh tế cửa khẩu; phương tiện vận tải hàng hóa nước ngoài vào, ra khu kinh tế cửa khẩu và cảng biển thuộc khu kinh tế; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu có thị thực do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc nhập cảnh theo diện miễn thị thực đơn phương của Việt Nam; người nước ngoài nhập cảnh được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Điều kiện nhập cảnh, xuất cảnh tại khu kinh tế cửa khẩu

1. Người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu phải có một trong các giấy tờ sau:

- a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hợp lệ còn thời hạn ít nhất 06 tháng;
- b) Giấy thông hành biên giới hợp lệ và các giấy tờ hợp lệ khác theo quy định của pháp luật phù hợp với điều ước quốc tế giữa Việt Nam với các nước láng giềng còn thời hạn ít nhất 45 ngày.

2. Người nước ngoài không thuộc trường hợp “chưa cho nhập cảnh”, “tạm hoãn xuất cảnh” quy định tại các Điều 21, 28 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại khu kinh tế cửa khẩu

1. Người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu được tạm trú không quá 15 ngày.

2. Người nước ngoài được tạm trú ở cơ sở lưu trú tại khu kinh tế cửa khẩu trừ khu vực cấm, khu vực tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền hoặc vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động trong khu vực biên giới biển.

3. Đối với công dân Trung Quốc sử dụng hộ chiếu phổ thông điện tử thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Công an.

4. Người nước ngoài nhập cảnh khu kinh tế cửa khẩu nào được đóng dấu khu kinh tế cửa khẩu đó (thực hiện theo mẫu số 01/KC ban hành kèm theo Thông tư này).
5. Người nước ngoài sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế thuộc diện đối tượng nêu tại Thông tư này, đang tạm trú tại khu kinh tế cửa khẩu nếu có nhu cầu đi du lịch ra khu vực khác của Việt Nam phải được doanh nghiệp lữ hành quốc tế của Việt Nam bảo lãnh làm thủ tục với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xét cấp thị thực.
6. Người nước ngoài sử dụng giấy thông hành biên giới hoặc giấy tờ khác nêu tại Khoản 1 Điều 3 nhập cảnh nếu có nhu cầu đi đến các địa điểm khác trong tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu phải được doanh nghiệp lữ hành quốc tế của Việt Nam bảo lãnh làm thủ tục với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xét cấp giấy phép tham quan (thực hiện theo mẫu số 03/GP ban hành kèm theo Thông tư này). Không giải quyết cho tham quan du lịch các địa phương khác trong nội địa Việt Nam.

Chương II

KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH VÀ QUẢN LÝ CƯ TRÚ TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

Điều 5. Kiểm tra, kiểm soát người nước ngoài nhập cảnh tại khu kinh tế cửa khẩu

1. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu thực hiện việc kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hộ chiếu, giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này; đối chiếu ảnh và không thuộc trường hợp “chưa cho nhập cảnh” quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì giải quyết nhập cảnh.

Trường hợp không đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì lập biên bản, không giải quyết nhập cảnh và thực hiện những yêu cầu trong văn bản đăng ký “chưa cho nhập cảnh” (nếu có).

2. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh, cấp chứng nhận tạm trú 15 ngày và đóng dấu “KKT cửa khẩu...” vào hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy thông hành biên giới; đối với công dân Trung

Quốc sử dụng hộ chiếu phổ thông điện tử thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Công an.

Điều 6. Kiểm tra, kiểm soát người nước ngoài xuất cảnh tại khu kinh tế cửa khẩu

1. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu thực hiện việc kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hộ chiếu, giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này; đối chiếu ảnh và không thuộc trường hợp “tạm hoãn xuất cảnh” quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì giải quyết xuất cảnh.

Trường hợp không đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì lập biên bản, không giải quyết xuất cảnh và thực hiện những yêu cầu trong văn bản đăng ký “tạm hoãn xuất cảnh” (nếu có). Trường hợp người nước ngoài quá thời hạn tạm trú thì lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính và giải quyết xuất cảnh.

2. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu đóng dấu kiểm chứng xuất cảnh vào hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy thông hành biên giới; đối với công dân Trung Quốc sử dụng hộ chiếu phổ thông điện tử thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Công an.

Điều 7. Việc khai báo tạm trú của người nước ngoài tại khu kinh tế cửa khẩu

1. Cơ sở lưu trú tại khu kinh tế cửa khẩu có trách nhiệm khai báo tạm trú cho người nước ngoài tạm trú trong thời hạn 12 giờ kể từ khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú.

2. Công an xã, phường, thị trấn tại khu kinh tế cửa khẩu, Đoàn Công an khu kinh tế cửa khẩu tiếp nhận thông tin khai báo tạm trú của người nước ngoài từ cơ sở lưu trú và chuyển cho Trạm Quản lý xuất nhập cảnh tại khu kinh tế cửa khẩu trong ngày. Trạm Quản lý xuất nhập cảnh nhập dữ liệu người nước ngoài tạm trú tại khu kinh tế cửa khẩu chuyển ngay về Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh và thông báo cho Đoàn Biên phòng nơi có cơ sở lưu trú. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thực hiện truyền thông tin tạm trú về cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Điều 8. Nhập và chuyển thông tin nhập, xuất cảnh của người nước ngoài tại khu kinh tế cửa khẩu

1. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu nhập thông tin nhập cảnh, xuất cảnh của người nước ngoài và chuyển về Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

2. Sau khi nhận thông tin nhập cảnh, xuất cảnh từ đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh, Cục Cửa khẩu (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) chuyển cho Cục An ninh cửa khẩu (Tổng cục An ninh) phục vụ yêu cầu quản lý và thống kê nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP THỊ THỰC, CẤP GIẤY PHÉP THAM QUAN CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

Điều 9. Thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài đi du lịch đến địa điểm khác của Việt Nam

Người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, nếu có nhu cầu đi du lịch ra khu vực khác của Việt Nam, phải thông qua doanh nghiệp lữ hành quốc tế của Việt Nam làm thủ tục xin cấp thị thực tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh nơi có khu kinh tế cửa khẩu.

1. Hồ sơ đề nghị cấp thị thực gồm:

a) 01 Tờ khai đề nghị theo mẫu NA5 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

b) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

2. Việc giải quyết cấp thị thực:

a) Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp thị thực, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh báo cáo ngay về Cục Quản lý xuất nhập cảnh (qua Fax hoặc qua đường truyền) để xét cấp thị thực.

b) Trong thời gian 01 ngày làm việc, Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét, trả lời Phòng Quản lý xuất nhập cảnh (qua Fax hoặc qua đường truyền) để cấp thị thực. Đối với công dân Trung Quốc sử dụng hộ chiếu phổ thông điện tử thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Công an.